CTCP Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (UPCOM: BWS)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	34,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	21.7%	**25.6%**	**34.3%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	21,767 - 30,563
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,060
Số lượng CPLH (CP)	90,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,420
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.40
EPS	2,855
P/E	11.9

Tỷ suất lợi nhuận

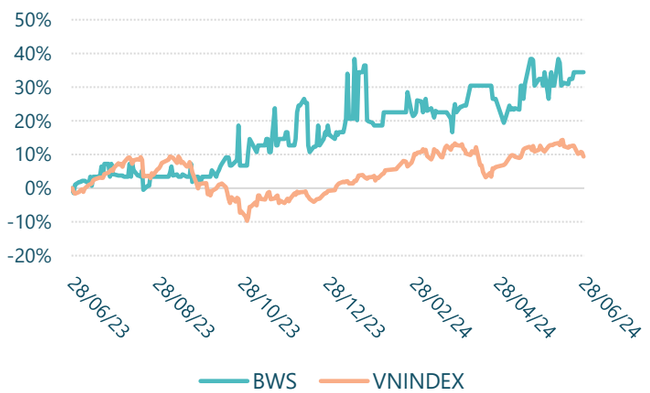

Doanh thu thuần

Q2/24

196

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00 | 4.6%

YoY: ▲ 14.0 | 7.4%

LN gộp

Q2/24

116

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.00 | 5.3%

YoY: ▲ 18.1 | 18.3%

LN trước thuế

Q2/24

88.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.5 | 17.9%

YoY: ▼2.60 | -2.9%

Nợ/VCSH

Q2/24

8.5%

YoY: +/-▼ 0.6%

ROE (TTM)

Q2/24

23.2%

YoY: +/-▼ 0.7%

ROA (TTM)

Q2/24

20.3%

YoY: +/-▼ 1.7%

Kết quả kinh doanh Q2/24

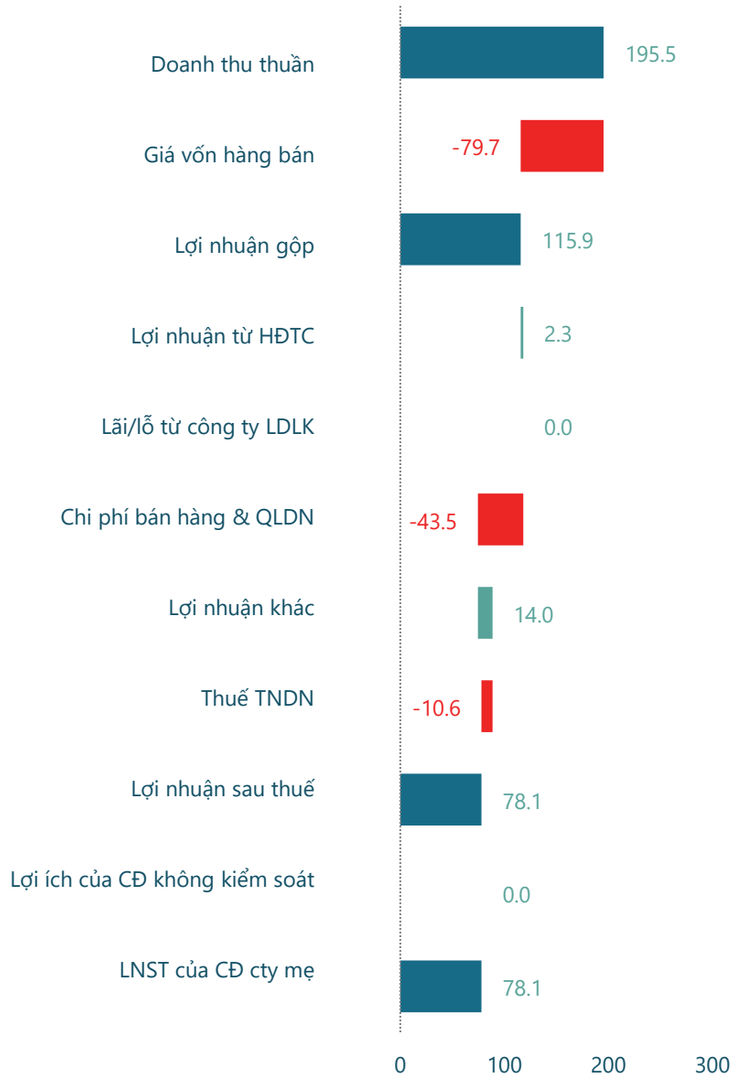

CTCP Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (UPCOM: BWS)

FireAnt

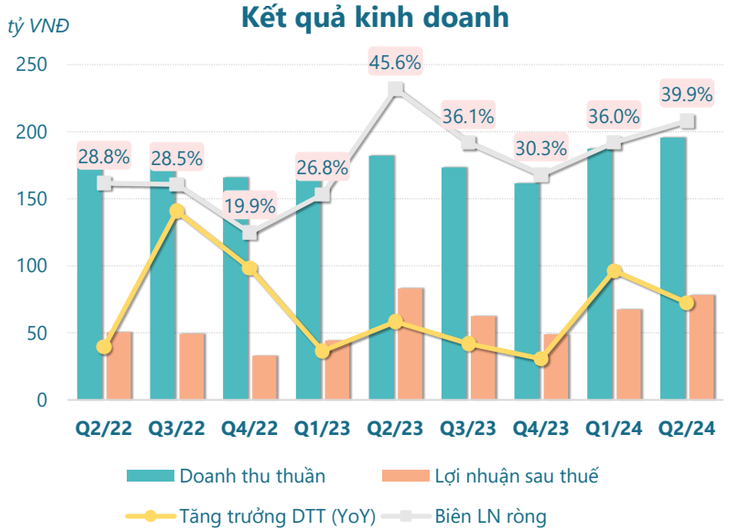

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 74.68 tỷ đồng**, giảm đi 0.77% so với kỳ trước và thấp hơn 13.8% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 2.32 tỷ đồng**, giảm đi 52.5% so với kỳ trước và thấp hơn 85.5% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 14.00 tỷ đồng**, tăng thêm 14.02 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 200% so với cùng kỳ năm trước.

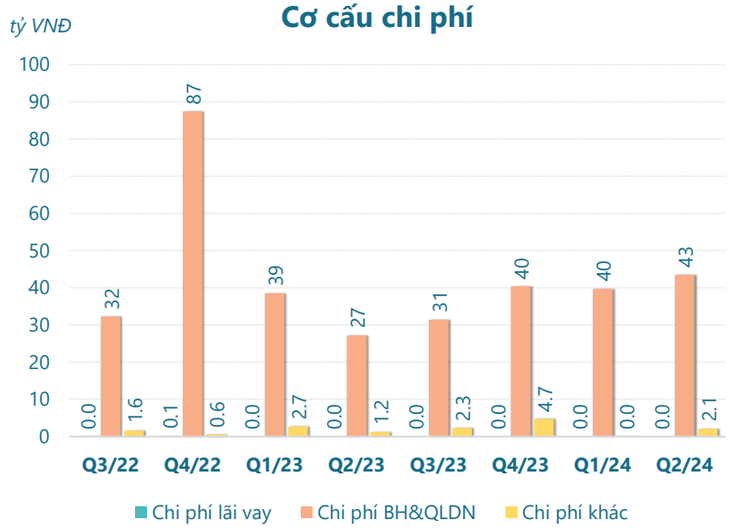

Kết quả kinh doanh của **BWS** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **195.6 tỷ đồng** tăng thêm **7.39%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 78.07 tỷ đồng**, **giảm sút 6.05%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **383.0 tỷ đồng** cao hơn 10.1% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 146.0 tỷ đồng** cao hơn 15.0% so với cùng kỳ năm trước.

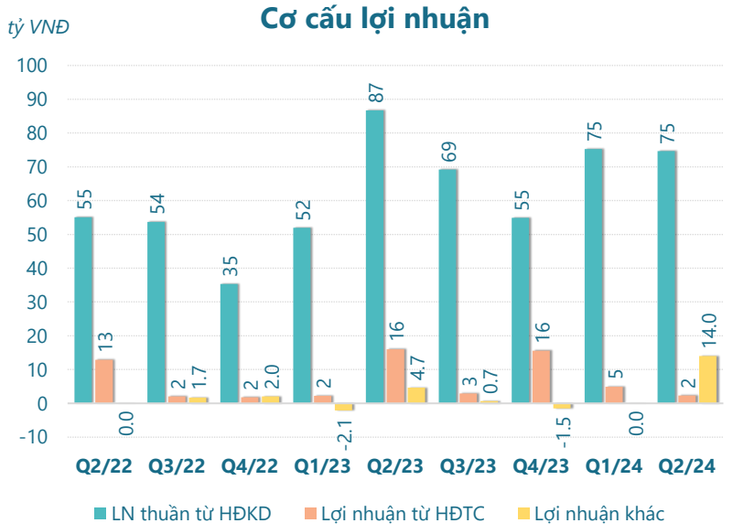

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **43.50 tỷ đồng** tăng thêm 9.54% so với kỳ trước và cao hơn 59.9% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **2.07 tỷ đồng** tăng thêm 10250% so với kỳ trước và cao hơn 66.9% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (UPCOM: BWS)

FireAnt
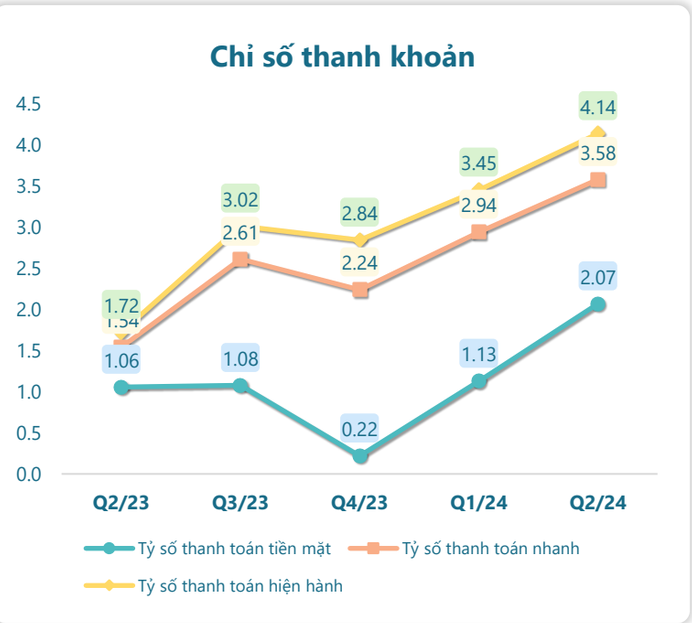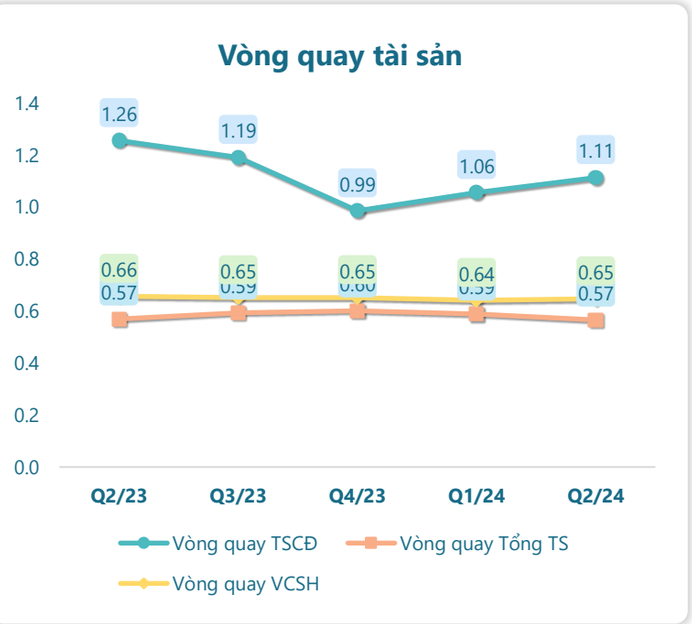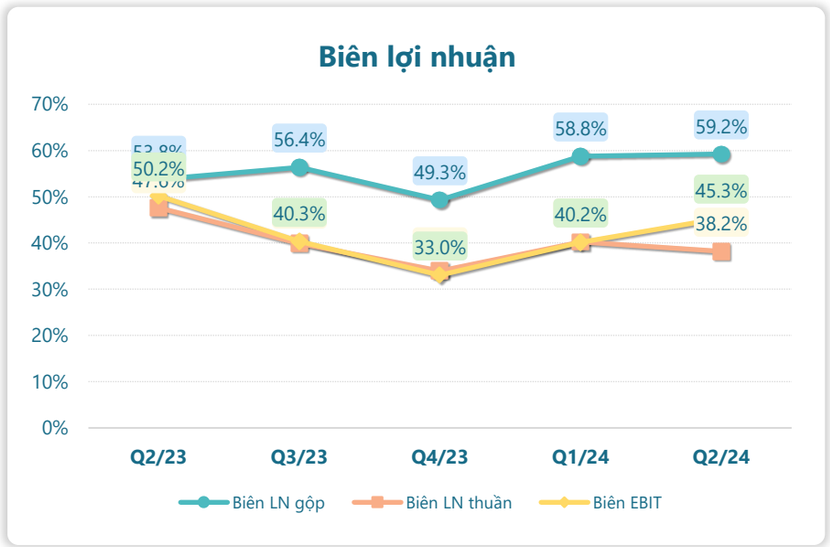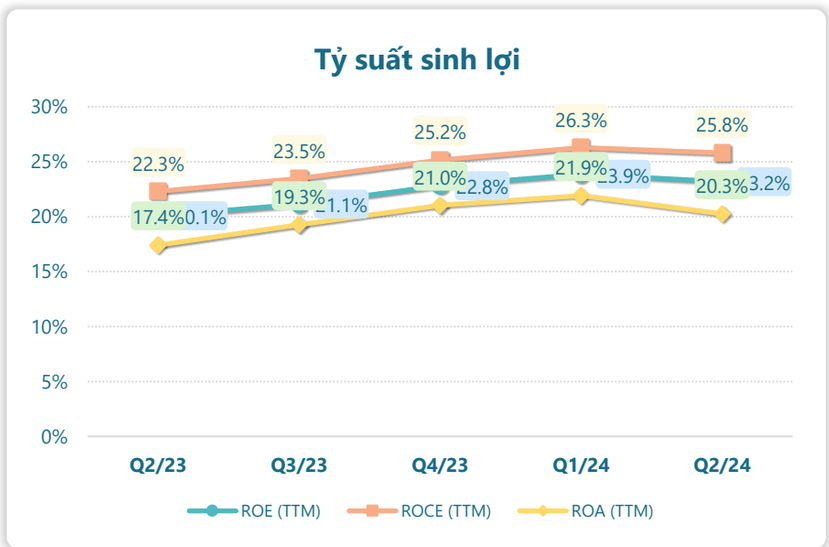
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**196**	**187**	**4.6%**	**182**	**7.4%**	**383**	**348**	**10.1%**
Giá vốn hàng bán	79.7	77.2	3.2%	84.2	-5.3%	157	161	-2.9%
Lợi nhuận gộp	116	110	5.3%	97.9	18.3%	226	186	21.4%
Doanh thu HĐTC	2.32	4.88	-52.4%	16.0	-85.5%	7.20	18.2	-60.4%
Chi phí TC	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	19.5	16.8	16.3%	9.47	106%	36.4	30.1	21.0%
Chi phí QLDN	**24.0**	**22.9**	**4.6%**	**17.7**	**35.3%**	**46.8**	**35.7**	**31.3%**
LN thuần từ HĐKD	74.7	75.3	-0.8%	86.7	-13.9%	150	139	8.2%
Lợi nhuận khác	**14.0**	**-0.02**	**70093%**	**4.67**	**200%**	**14.0**	**2.54**	**451%**
LN trước thuế	88.7	75.2	17.9%	91.3	-2.9%	164	141	16.1%
Lợi nhuận sau thuế	**78.1**	**67.5**	**15.7%**	**83.1**	**-6.1%**	**146**	**127**	**14.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**78.1**	**67.5**	**15.7%**	**83.1**	**-6.1%**	**146**	**127**	**14.2%**